

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM KHÊ  
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày 31/7/2024.

V/v: “Tranh chấp về  
Hôn nhân và gia đình”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hồng Ánh và ông Nguyễn Hải Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988.

Địa chỉ : Khu G, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu G, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh A vắng mặt lần 2 không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1, Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/10/2005 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh

Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng về sống và làm việc tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được, chị đã chuyển ra ngoài thuê nhà ở, vợ chồng ly thân từ đó. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị và anh A có 03 con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 31/4/2007; Nguyễn Thị H, sinh ngày 17/12/2008 và Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 16/8/2012. Cháu M và cháu V hiện nay đang ở cùng với anh A, còn cháu H hiện nay đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và nhất trí giao cháu M, cháu V cho anh A được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M cùng anh A là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi cháu M thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết.

2, *Phía bị đơn anh Nguyễn Ngọc A*: Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh A đều vắng mặt.

3, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2024 ông Nguyễn Thanh Đ (bố đẻ anh A) trình bày*: Anh A và chị L được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 27/10/2005 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì chị L ra ngoài ở riêng, không còn chung sống cùng anh A nữa, anh chị cũng không ai quan tâm đến ai. Gia đình ông đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Nay chị L xin ly hôn anh A ông mong muốn anh chị quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị L và anh A có 03 con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 31/4/2007; Nguyễn Thị H, sinh ngày 17/12/2008 và Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 16/8/2012. Từ khi chị L chuyển ra ngoài ở thì cháu M, cháu V ở cùng anh A còn cháu H thì ở cùng chị L. Trường hợp anh chị ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giao cháu M, cháu V cho anh A được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu H cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Về các văn bản tố tụng Tòa án giao cho anh A, ông đều đã nhận thay và giao lại cho anh A. Anh A đã biết việc chị L xin ly hôn anh, nhưng do bận đi làm nên anh A không đến Tòa án làm việc được.

4, *Nguyên vọng của các cháu Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị H, Nguyễn Tuấn V*: Cháu M, cháu V có nguyện vọng xin ở với anh A; cháu H có nguyện vọng xin ở với chị L.

5, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Phương Vĩ ngày 28/6/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị L và anh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/10/2005 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không bảo ban được nhau, nên chung sống không có hạnh phúc. Khi anh A, chị L phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Từ cuối năm 2022 chị L đã ra ngoài ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh A nữa. Vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Thực tế cuộc sống vợ chồng của anh chị hiện nay không còn chung sống cùng nhau. Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 31/4/2007; Nguyễn Thị H, sinh ngày 17/12/2008 và Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 16/8/2012. Nay chị L xin ly hôn anh A, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc A.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị H, sinh ngày 17/12/2008 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị M, sinh ngày 31/4/2007; Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 16/8/2012 cho anh Nguyễn Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu M, cháu V thành n (đủ 18 tuổi). Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M cùng anh A số tiền là 1.500.000đ/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 đến khi cháu M thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Chị L, anh A được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh A có hộ khẩu thường trú tại khu G, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị L có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh A đã được Tòa án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh A vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị L và anh A là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 27/10/2005 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị L cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc, chị đã chuyển ra ngoài thuê nhà ở, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A. Phía anh A được Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh A có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị L và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Bố đẻ anh A cũng xác nhận sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì anh A, chị L ly thân, không ai quan tâm đến ai, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị L và anh A được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình đã

khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị L và anh A đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh A là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L anh A có 03 con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 31/4/2007; Nguyễn Thị H, sinh ngày 17/12/2008 và Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 16/8/2012. Khi ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và nhất trí giao cháu M, cháu V cho anh A được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét thấy nguyện vọng của cháu H xin được ở với chị L vì vậy khi ly hôn cần giao cháu H cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu M, cháu V có nguyện vọng ở cùng anh A và hiện nay đang ở cùng anh A, được anh A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ngoài ra anh A còn được sự giúp đỡ của gia đình trong việc chăm sóc con chung. Vì vậy, để ổn định chỗ ở, thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của các con chung cần giao cháu M, cháu V cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Khi ly hôn chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M cùng anh A số tiền là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi cháu M thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc A.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị H, sinh ngày 17/12/2008 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con

chung chưa thành niên là Nguyễn Thị M, sinh ngày 31/4/2007; Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 16/8/2012 cho anh Nguyễn Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu M, cháu Vũ thành n (đủ 18 tuổi).

Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M cùng anh A số tiền là 1.500.000đ/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 đến khi cháu M thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Chị L, anh A được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004832 ngày 04/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị L còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS+ VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đinh Thị Thu Huyền**